

BÀI GIẢNG 4.1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Phân tích tài chính
MPP23, FSPPM
Học kỳ Xuân, 2022

Nội dung

- Nguyên tắc kế toán cơ bản
- Cấu trúc và các hạng mục của Bảng cân đối kế toán
- Phương trình Bảng cân đối kế toán
- Nguyên tắc kế toán kép
- Nhược điểm của Bảng cân đối kế toán

Khái niệm

- Định nghĩa, hạch toán tài sản
 - ▣ Doanh nghiệp sở hữu hay kiểm soát quyền sử dụng khoản mục
 - ▣ Hệ quả của giao dịch, trao đổi quá khứ
 - ▣ Lợi ích tương lai có thể đo lường, định lượng thích hợp, tin cậy
- Đo lường tài sản: chi phí mua, chi phí lịch sử, giá hợp lý, giá hiện hành, giá trị hiện thực ròng, chi phí cơ hội...
- Quy ước đo lường tài sản
 - ▣ Doanh nghiệp hoạt động liên tục
 - ▣ Tính phù hợp và đáng tin cậy
 - ▣ Tính thận trọng
- Định nghĩa, hạch toán nghĩa vụ nợ
 - ▣ Nghĩa vụ hiện tại, không phải cam kết, dự định tương lai
 - ▣ Sự kiện phát sinh nghĩa vụ trong quá khứ
 - ▣ Nguồn lực kinh tế khả dĩ không thể hoặc gần như không thể tùy ý né tránh
 - ▣ Đo lường, định lượng tin cậy, thích hợp
- Đo lường nghĩa vụ nợ

Những nguyên tắc kế toán cơ bản

4

Nguyên tắc Cơ sở dồn tích
(Accruals Basis)

- Ghi nhận chi phí, doanh thu tại thời điểm phát sinh, không phải trên cơ sở thực thu thực chi

Nguyên tắc Hoạt động liên tục
(Going Concern)

- Giả sử công ty đang hoạt động và vẫn tiếp tục hoạt động

Nguyên tắc Giá gốc
(History Cost)

- Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc

Nguyên tắc phù hợp
(Matching)

- Chi phí phù hợp với doanh thu ở kỳ doanh thu được ghi nhận

Nguyên tắc nhất quán
(Consistency)

- Khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực, phương pháp kế toán phải nhất quán

Nguyên tắc trọng yếu
(Materiality)

- Chú trọng khoản mục quyết định nội dung của sự việc và hiện tượng

Nguyên tắc thận trọng
(Prudence)

- Kế toán bảo đảm chắc chắn, thận trọng, ít ảnh hưởng đến quyền lợi các bên

Bảng cân đối kế toán

5

Tài sản	31/12/ 20X0	31/12/ 20X1	Nguồn vốn	31/12/ 20X0	31/12/ 20X1
Tài sản ngắn hạn • Tiền mặt • Chứng khoán ngắn hạn • Khoản phải thu • Hàng tồn kho			Nợ phải trả • Nợ ngắn hạn • Vay ngắn hạn • Khoản phải trả • Nợ dài hạn • Vay dài hạn • Trái phiếu		
Tài sản dài hạn • Tài sản cố định • Chứng khoán dài hạn • Góp vốn, liên doanh			Vốn chủ sở hữu • Vốn góp • Thặng dư vốn • Lợi nhuận giữ lại		



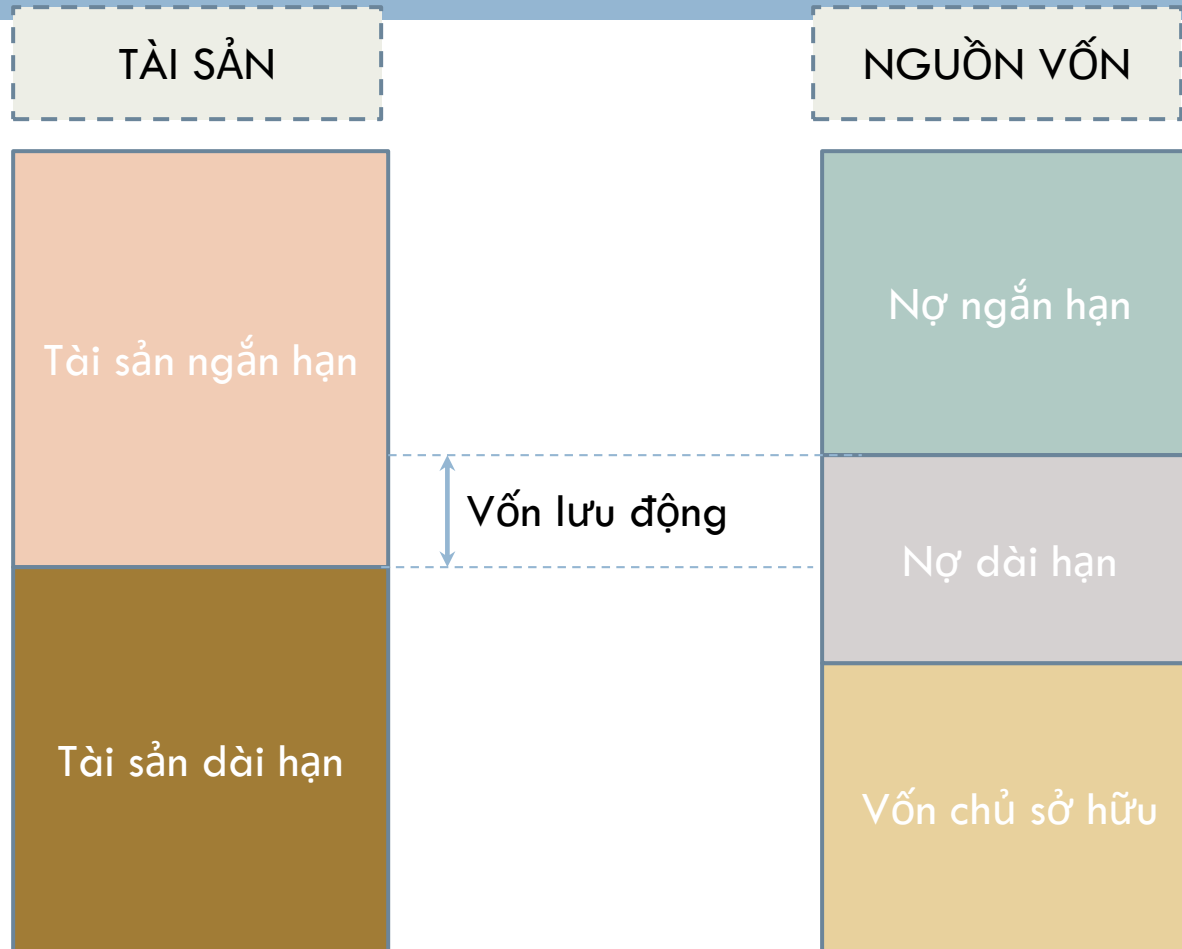
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ

Bảng cân đối kế toán

6



Bảng cân đối kế toán doanh nghiệp

Stt	Nội dung	Stt	Nội dung
I	Tài sản ngắn hạn	IV	Nợ phải trả
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1	Nợ ngắn hạn
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2	Nợ dài hạn
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	V	Vốn chủ sở hữu
4	Hàng tồn kho	1	Vốn chủ sở hữu
5	Tài sản ngắn hạn khác		- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
II	Tài sản dài hạn		- Thặng dư vốn cổ phần
1	Các khoản phải thu dài hạn		- Vốn khác của chủ sở hữu
2	Tài sản cố định		- Cổ phiếu quỹ
	- Tài sản cố định hữu hình		- Chênh lệch đánh giá lại tài sản
	- Tài sản cố định vô hình		- Chênh lệch tỷ giá hối đoái
	- Tài sản cố định thuê tài chính		- Các quỹ
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
3	Bất động sản đầu tư		- Nguồn vốn đầu tư XDCB
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2	Nguồn kinh phí và quỹ khác
5	Tài sản dài hạn khác		- Quỹ khen thưởng phúc lợi
			- Nguồn kinh phí
			- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

Bảng cân đối kế toán

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản ngắn hạn (tài sản lưu động) Tiền mặt và tương đương tiền mặt Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Các khoản đầu tư ngắn hạn Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn Khoản phải thu Phải thu khách hàng Trả trước cho người bán Các khoản phải thu khác Dự phòng phải thu khó đòi Hàng tồn kho Tài sản ngắn hạn khác Chi phí trả trước ngắn hạn Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ Tài sản ngắn hạn khác Tổng tài sản ngắn hạn	Nợ ngắn hạn Giấy nợ và khoản vay phải trả Phần ngắn hạn trong nợ dài hạn Khoản phải trả Thuế thu nhập phát sinh Phát sinh khác Tổng nghĩa vụ nợ ngắn hạn Nợ dài hạn Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Nghĩa vụ nợ khác Tổng nghĩa vụ nợ Vốn chủ sở hữu Cổ phiếu ưu đãi Cổ phiếu phổ thông (Vốn cổ phần) Vốn góp bổ sung (Thặng dư vốn cổ phần) Thu nhập giữ lại Thu nhập tổng quát khác lũy kế Lương thưởng chưa nhận Cổ phiếu ngân quỹ, theo trị giá Quỹ đầu tư phát triển Quỹ dự phòng tài chính Tổng vốn sở hữu của cổ đông
Tài sản dài hạn Các khoản phải thu dài hạn Tài sản cố định hữu hình Nhà xưởng, máy móc thiết bị Tài sản cố định vô hình Tài sản vô hình khác, ròng Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Tài sản dài hạn khác Lợi thế thương mại	
Tổng tài sản	Tổng nghĩa vụ nợ và vốn sở hữu cổ đông

Bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng

Stt	Chỉ tiêu	Stt	Chỉ tiêu
	Số đông vòn		Nguồn vốn
I	Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý	I	Tiền gửi của KBNN và TCTD khác
II	Tiền gửi tại NHNN	1	Tiền gửi của KBNN
III	Tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác	2	Tiền gửi của TCTD khác
IV	Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài	II	Vay NHNN, TCTD khác
V	Cho vay các TCTD khác	1	Vay NHNN
1	Cho vay các TCTD khác	2	Vay TCTD trong nước
2	Dự phòng rủi ro	3	Vay TCTD ở nước ngoài
VI	Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	4	Nhận vốn cho vay đồng tài trợ
1	Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	III	Tiền gửi của TCKT, dân cư
2	Dự phòng rủi ro	IV	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro
VII	Các khoản đầu tư	V	Phát hành giấy tờ có giá
1	Đầu tư vào chứng khoán	VI	Tài sản “Nợ” khác:
2	Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	1	Các khoản phải trả
VIII	Tài sản	2	Các khoản lãi cộng dồn dự trả
1	Tài sản cố định: - Nguyên giá TSCĐ - Hao mòn TSCĐ	3	Tài sản “Nợ” khác
2	Tài sản khác	VII	Vốn và các quỹ
IX	Tài sản “Có” khác	1	Vốn của TCTD: - Vốn điều lệ - Vốn đầu tư XDCB - Vốn khác
1	Các khoản phải thu	2	Quỹ của TCTD
2	Các khoản lãi cộng dồn dự thu	3	Lãi/lỗ
3	Tài sản “ Có ” khác		
4	Các khoản dự phòng rủi ro khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

Một số phương trình

- Tài sản = Nợ + Vốn chủ sở hữu
- Tổng ghi nợ = Tổng ghi có
- Số dư đầu kỳ + tăng trong kỳ - giảm trong kỳ = Số dư cuối kỳ
- Tài sản = Nợ + Vốn góp + Lợi nhuận giữ lại + Doanh thu – Chi phí
- Tài sản + Chi phí = Nợ + Vốn góp + Lợi nhuận giữ lại + Doanh thu
- Ghi nợ = Ghi có

Tài khoản chữ T

- **Tài sản, chi phí:** tài khoản nợ/bên trái
 - $Số dư đầu kỳ (tài khoản nợ, Dr) + Ghi nợ - Ghi có = Số dư cuối kỳ$
- **Nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu:** tài khoản có/bên phải
 - $Số dư đầu kỳ (tài khoản có, Cr) + Ghi có - Ghi nợ = Số dư cuối kỳ$
- Ghi nợ trước, ghi có theo sau
- Luôn ghi số dương
- Nguyên tắc kế toán kép: Mỗi giao dịch luôn có ít nhất một tài khoản ghi nhận nợ và một tài khoản ghi có
- Quy trình: (i) giao dịch (ii) phương trình cân bằng kế toán (iii) vào sổ nhật ký kế toán (iv) tài khoản chữ T

Tài khoản chữ T

Ghi nợ (Debit, Dr)	Ghi có (Credit, Cr)
Bên trái	Bên phải

Tài sản		Nguồn vốn	
Tài sản		Nợ	Vốn
Ghi nợ (+)	Ghi có (-)	Ghi nợ (-)	Ghi có (+)
			Lợi nhuận giữ lại
		Ghi nợ (-)	Ghi có (+)
		Chi phí	Doanh thu
		Ghi nợ (+)	Ghi có (+)

Nhược điểm của bảng cân đối kế toán

13

- Giá trị sổ sách sv. giá trị thị trường
- Giá gốc sv. giá trị hợp lý
- Số liệu lịch sử sv. dự báo tương lai
- Tại một thời điểm sv. quá trình
- Nguồn lực doanh nghiệp: tài chính sv. phi tài chính (nhân lực, năng lực quản trị...)